

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11 /2024/HS-ST  
Ngày 12/4/2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hương.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Thức

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

**Võ Văn T** ; Tên gọi khác: Không, Sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn Kiệt, sinh năm 1961 và con bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1967; vợ: Phạm Thị Hồng K, sinh năm 1987; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/01/2024, có mặt tại phiên tòa.

**-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Lê Chí H, sinh năm 1965, Trú tại: TDP 01, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Trần Thị D, sinh năm 1966, Trú tại: TDP 01, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Võ Văn S, sinh năm 1979, Trú tại: Số 02 M, phường Đ, thị xã B. tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020 do công việc làm ăn, thu nhập không ổn định, Võ Văn T (sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ) biết được nhiều người có nhu cầu vay tiền để tiêu dùng và nhận thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao nhanh được thu lợi nên Võ Văn T đã nảy sinh ý định hoạt động cho người dân vay tiền. Thông qua các mối quan hệ quen biết T đã cho một số người vay dưới hình thức cho vay tiền đứng với lãi suất 5000đ (đồng)/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 182,5%/năm. Khi cho vay tiền T yêu cầu người vay viết giấy vay tiền. Tiền lãi T thường yêu cầu người vay trả tiền trực tiếp hoặc chuyển tiền đến số tài khoản 050076046465 của ngân hàng Sacombank, mang tên V.V.T.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 cho đến khi bị phát hiện vào tháng 12/2023, Võ Văn T đã tổ chức hoạt động cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Võ Văn T đã cho ông Lê Chí H vay 02 lần:

- *Lần 1:* Khoảng tháng 02/2020, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với lãi suất là 182,5%/năm, T không thu tiền phí. Khoản vay này ông H đã trả được 360 ngày tiền lãi, với số tiền lãi đã trả là 9.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 986.301đ, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 9.000.000đ - 986.301đ = 8.013.699đ. Khoản vay này ông H đã trả đủ tiền gốc vào tháng 3/2023.

- *Lần 2:* Vào khoảng tháng 02/2020, vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với lãi suất là 182,5%/năm, T không thu tiền phí. Khoản vay này ông H đã trả được số tiền lãi là 41.500.000đ, tương đương 277 ngày. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 4.547.945đ nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 41.500.000đ - 4.547.945đ = 36.952.055đ. Khoản vay này ông H còn nợ tiền gốc là 30.000.000đ.

Như vậy, với việc cho ông H vay tổng số tiền là 35.000.000đ, T đã thu được số tiền lãi là 50.500.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 5.534.246đ, nên T đã thu lợi bất chính số tiền 44.965.754đ. Hiện tại, ông H vẫn còn nợ T số tiền gốc là 30.000.000đ.

2. Võ Văn T đã cho ông Võ Văn S vay 02 lần:

*Lần 1:* Khoảng tháng 02/2020, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với lãi suất là 182,5%/năm, T không thu tiền phí. Khoản vay này ông S đã trả được 300 ngày tiền lãi, với số tiền lãi đã trả là 15.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 1.643.836đ, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 15.000.000đ - 1.643.836đ = 13.356.164đ. Khoản vay này ông S đã trả hết tiền gốc.

*Lần 2:* Khoảng tháng 03/2020, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với lãi suất là 182,5%/năm, T không thu tiền phí. Khoản vay này ông S đã trả được 270 ngày tiền lãi, với số tiền lãi đã trả là 6.750.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 739.726đ, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 6.750.000đ - 739.726đ = 6.010.274đ. Khoản vay này ông S đã trả hết tiền gốc.

Như vậy, với việc cho ông S vay tổng số tiền là 15.000.000đ, T đã thu được số tiền lãi là 21.750.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 2.383.562đ, nên T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 19.366.438đ. Hiện tại, ông S đã trả hết số tiền gốc và lãi cho ông T.

Tổng cộng, Võ Văn T đã cho 02 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 50.000.000đ, lãi suất cho vay là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã thu là 72.250.000đ, tổng số tiền gốc đã thu là 20.000.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 7.917.808đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 64.332.192đ.

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thu giữ, bao gồm:

- + 01 giấy vay nợ đề ngày 28/4/2023, người vay Trần Thị D ;
- + 01 giấy vay tiền đề ngày 10/02/2020, người vay Trần Thị D và Lê Chí H (bị rách).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số Imei 1: 357884546915352, Imei 2: 357884546916665 có gắn 01 thẻ sim nhà mạng Vinaphone của bị cáo Võ Văn T.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSBH ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 cho đến khi bị phát hiện tháng 12/2023, Võ Văn T đã tổ chức hoạt động cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm nhằm thu lợi bất chính. Võ Văn T đã cho 02 người vay với tổng số tiền gốc là 50.000.000đ và thu lợi bất chính số tiền là 64.332.192đ. Hành vi của bị cáo là phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1,3, 4 Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn T 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án đối với 02 giấy vay tiền là chứng cứ của vụ án bao gồm: 01 giấy vay nợ đề ngày 28/4/2023, người vay Trần Thị D ; 01 giấy vay tiền đề ngày 10/02/2020, người vay Trần Thị D và Lê Chí H (bị rách).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số Imei 1: 357884546915352, Imei 2: 357884546916665 có gắn 01 thẻ sim nhà mạng Vinaphone của bị cáo Võ Văn T .

- Truy thu của bị cáo Võ Văn T số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể: Trả cho ông Lê Chí H số tiền 44.965.754đ, trả cho ông Võ Văn S số tiền 19.366.438đ (Đối với số tiền của ông Võ Văn S 19.366.438đ bị cáo đã tự nguyện trả cho ông S nên không buộc bị cáo phải trả thêm đối với khoản tiền này).

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định của bị cáo tổng số tiền: 27.917.808đ. Trong đó tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi 917.808, đây là số tiền bị cáo đã thu được của người vay, cụ thể như sau (Ông Lê Chí H số tiền là 10.534.246đ, ông Võ Văn S số tiền là 17.383.562đ).

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền nợ gốc mà những người liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo: Truy thu của ông Lê Chí H số tiền là 30.000.000đ.

Bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì, trong phần lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 cho đến khi bị phát hiện tháng 12/2023, Võ Văn T đã tổ chức hoạt động cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm nhằm thu lợi bất chính. Võ Văn T đã cho 02 người vay với tổng số tiền gốc là

50.000.000đ và thu lợi bất chính số tiền là 64.332.192đ. Hành vi của bị cáo là phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Võ Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

....;

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng và xâm phạm đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, mọi hành vi xâm hại đều phải bị trừng trị. Vì vậy cần xử lý, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi sự việc xảy ra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Do bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trong vụ án này quá trình điều tra xác định:

- Ông B, sinh năm 1980 (không xác định nhân thân, lai lịch), làm nghề bốc vác tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk: T khai nhận cho ông B vay số tiền 15.000.000đ, không tính lãi. Ông B đã trả được 3.250.000đ, hiện còn nợ 11.750.000đ. Tuy nhiên, đến nay chưa xác định được nhân thân của ông Bình, trước đây ông B có làm công nhân bốc vác cho công ty H R, tại Tổ dân phố C, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, nhưng đã nghỉ việc và không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ.

- Ông TH, sinh năm 1980 (không xác định nhân thân, lai lịch), làm nghề bốc vác tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk: T khai nhận cho ông TH vay số tiền 15.000.000đ,

không tính lãi. Hiện nay ông Th vẫn còn nợ số tiền 15.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa tiến hành làm việc được.

- Ông Huỳnh Quốc T1 (*sinh năm 1988, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk*): Bị cáo khai nhận cho ông T1 vay số tiền 25.000.000đ, không tính lãi; ông T đã trả được 1.000.000đ, hiện nay ông T 1 còn nợ bị can số tiền 24.000.000đ. Tuy nhiên, hiện nay ông T1 không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk chưa tiến hành làm việc được. Kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo T , xác định không phát sinh giao dịch giữa T và ông T1 .

Đối với những trường hợp nêu trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định tách hành vi và các tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

- Đối với việc ông Nguyễn Văn C (*sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã B*), ông Hồ Văn C (*sinh năm 1968, trú tại Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã B*), bà Nguyễn Thị L (*sinh năm 1981, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk*) có vay tiền của Võ Văn T nhưng không tính lãi; ông Võ Thanh A (*sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B*) và ông Nguyễn Minh T2 (*sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B*) có giao dịch với bị cáo Võ Văn T nhưng đây là tiền mua bán bàn ghế giữa ông A, T2 với bị cáo, số tiền nợ này không tính lãi. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án đối với 02 giấy vay tiền là chứng cứ của vụ án bao gồm: 01 giấy vay nợ đề ngày 28/4/2023, người vay Trần Thị D ; 01 giấy vay tiền đề ngày 10/02/2020, người vay Trần Thị D và Lê Chí H (bị rách).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số Imei 1: 357884546915352, Imei 2: 357884546916665 có gắn 01 thẻ sim nhà mạng Vinaphone của bị cáo Võ Văn T .

- Truy thu của bị cáo Võ Văn T số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể: Trả cho ông Lê Chí H số tiền 44.965.754đ, trả cho ông Võ Văn S số tiền 19.366.438đ (Đối với số tiền của ông Võ Văn S 19.366.438đ bị cáo đã tự nguyện trả cho ông S nên không buộc bị cáo phải trả thêm đối với khoản tiền này).

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định của bị cáo tổng số tiền: 27.917.808đ. Trong đó tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi 917.808, đây là số tiền bị cáo đã thu được của người vay, cụ thể như sau (Ông Lê Chí H số tiền là 10.534.246đ, ông Võ Văn S số tiền là 17.383.562đ).

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền nợ gốc mà những người liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo: Truy thu của ông Lê Chí H số tiền là 30.000.000đ.

[8] Về án phí: Bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

*Tuyên bố:* Bị cáo VÕ VĂN T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2023 đến ngày 02/01/2024).

Giao bị cáo cho UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Việc thực hiện lao động phục vụ cộng đồng được thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

**Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án đối với 02 giấy vay tiền là chứng cứ của vụ án bao gồm: 01 giấy vay nợ đề ngày 28/4/2023, người vay Trần Thị D ; 01 giấy vay tiền đề ngày 10/02/2020, người vay Trần Thị D và Lê Chí H (bị rách).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số Imei 1: 357884546915352, Imei 2: 357884546916665 có gắn 01 thẻ sim nhà mạng Vinaphone của bị cáo Võ Văn T .

- Truy thu của bị cáo Võ Văn T để trả cho ông Lê Chí H số tiền 44.965.754đ (Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng), Truy thu của bị cáo Võ Văn T để trả cho ông Võ Văn S số tiền 19.366.438đ (Đối với số tiền của ông Võ Văn S 19.366.438đ bị cáo đã tự nguyện trả cho ông S nên không buộc bị cáo phải trả thêm đối với khoản tiền này).

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định của bị cáo tổng số tiền: 27.917.808đ. Trong đó tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi 917.808đ, đây là số tiền bị cáo đã thu được của người vay.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền nợ gốc mà những người liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo: Truy thu của ông Lê Chí H số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

**-Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

***Đinh Thị Hương***







